

Bản án số: 178/2022/DS-PT
Ngày: 01-6-2022
V/v Tranh chấp chia thừa kế
và chia tài sản chung.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lan Anh

Các thẩm phán: Ông Trương Chí Anh

Ông Lê Thanh Bình

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Thu Hương - Thẩm tra viên Tòa án

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên
tòa:** Bà Nguyễn Thị Phương Lan - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 6 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội
xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 81/2022/TLPT- DS ngày 17/3/2022
về việc "Tranh chấp chia thừa kế và chia tài sản chung".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 27/2021/DS-ST ngày 08/12/2021 của Tòa án
nhân dân quận TH4, thành phố Hà Nội bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 144/2022/QĐ-PT ngày
29/4/2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Cụ **QVP1**, sinh năm 1934; Địa chỉ: Số 15, ngách 83/76 YP2
(số mới: Số 8, ngõ 56, phố VM3), phường YP2, quận TH4, TP Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền của cụ P1 là: anh **ĐTV5**, sinh năm 1983.
Địa chỉ: Số 15, ngõ 293 KDT6, phường TH7, quận CG8, Hà Nội. Theo Hợp
đồng ủy quyền ngày 31/3/2022. *Có mặt.*

Bị đơn:

1/ Bà **QTKY18**, sinh năm 1956; Địa chỉ: Số 36, ngách 83/76 YP2 (số
mới: Số nhà 11, ngõ 56, phố VM3), phường YP2, quận TH4, TP Hà Nội. *Có
mặt.*

2/ Bà **QTKB19**, sinh năm 1958; Địa chỉ: Số 36 ngách 83/76 YP2 (số mới:
Số nhà 15, ngõ 56, phố VM3), phường YP2, quận TH4, TP Hà Nội. *Có mặt.*

3/ Ông **QTH20**, sinh năm 1963; Địa chỉ: Số 17, Làng YP2 (số mới: Số
nhà 26, ngõ 276, phố VM3), phường YP2, quận TH4, TP Hà Nội. *Có mặt.*

4/ Ông **QHT21**, sinh năm 1970; Địa chỉ: Số 17, Làng YP2 (số mới: Số nhà 14, ngõ 276, phố VM3), phường YP2, quận TH4, TP Hà Nội. *Vắng mặt.*

5/ Bà **QTKL22**, sinh năm 1968; Địa chỉ: Số 57 Làng YP2 (số mới: Số nhà 19, ngõ 276, phố VM3), phường YP2, quận TH4, TP Hà Nội. *Có mặt.*

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập: Bà **QTN23**, sinh năm 1955; Địa chỉ: Số 15, ngách 83/76 YP2 (số mới: Số 6, ngõ 56, phố VM3), phường YP2, quận TH4, TP Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nga là: anh **ĐTV5**, sinh năm 1983. Địa chỉ: Số 15, ngõ 293 KDT6, phường TH7, quận CG8, Hà Nội. Theo Hợp đồng ủy quyền ngày 31/3/2022. *Có mặt.*

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Bà **QTKV9**, sinh năm 1959; Địa chỉ: Số 57, ngõ 8, VP10, phường PL11, quận HD12, TP Hà Nội. *Xin vắng mặt.*

2/ Ông **QNT13**, sinh năm 1962; Địa chỉ: Số 17B, Làng YP2 (số mới: Số nhà 12, ngõ 276, phố VM3), phường YP2, quận TH4, TP Hà Nội; *Người đại diện do Tòa án chỉ định:* Cụ **QVP1**; Địa chỉ: Số 15, ngách 83/76 YP2 (số mới: Số 8, ngõ 56, phố VM3), phường YP2, quận TH4, TP Hà Nội. *Vắng mặt.*

3/ Ông **VVH14**, sinh năm 1953 (chồng bà Nga); Hiện trú tại: Số 15, ngách 83/76 YP2 (số mới: Số 6, ngõ 56, phố VM3), phường YP2, quận TH4, TP Hà Nội. *Vắng mặt.*

4/ Anh **VTT15**, sinh năm 1984 (con trai bà Nga, ông Hồng); Anh **VVD16**, sinh năm 1985 (con trai bà Nga, ông Hồng); Cháu **VĐM17**, sinh ngày 16/3/2016 (cháu Minh là con anh Tùng, do anh Tùng đại diện); Cùng trú tại: Số 15, ngách 83/76 YP2 (số mới: Số 6, ngõ 56, phố VM3), phường YP2, quận TH4, TP Hà Nội. *Vắng mặt.*

Do có kháng cáo của bà QTKY18, bà QTKB19, bà QTKV9, ông QTH20, bà QTKL22, ông QHT21.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm vụ án có nội dung như sau:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 04/4/2018, đơn khởi kiện bổ sung đề ngày 02/12/2020 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn cụ QVP1 trình bày:

Về quan hệ huyết thống: cụ có vợ là cụ KTS24 (cụ Sửu sinh năm 1933, chết năm 1987). Cụ và cụ Sửu sinh được 08 người con, gồm: QTN23, QTKY18, QTKB19, QTKV9, QNT13, QTH20, QTKL22, QHT21. Ngoài ra, vợ chồng hai cụ không có con đẻ, con nuôi, con riêng nào khác.

Về di sản thừa kế: Cụ và cụ Sửu có tài sản chung là nhà đất tại 40 Làng YP2, tổ 23, cụm 4 (số mới: Số 6, 8 ngõ 56, phố VM3), phường YP2, quận TH4, TP Hà Nội, đã được Ủy ban nhân dân quận TH4, TP Hà Nội cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 10103052528 ngày 02/12/2002 đứng tên QVP1 (vợ là KTS24 đã chết), thửa đất số 141+142+143 tờ bản đồ số 8H-I-31, tổng diện tích 160,39m², trong đó có 120m² đất ở và 40,39m² đất vườn liền kề (sau đây viết tắt là GCNQSHN ở & QSDĐ ở), trên có một ngôi nhà bê tông 2 tầng, nguyên thủy nhà 2 tầng trước đây là nhà mái ngói vợ chồng cụ xây khoảng năm 1970, đến năm 1991 cụ đã cải tạo lại, cụ thể bỏ mái ngói, tôn tạo thành 2 tầng như hiện nay, tiền cải tạo là do cụ bỏ ra.

Trong diện tích đất trên, khoảng năm 2005 cụ cho con gái là QTN23 khoảng 55m² đất. Thực chất cụ không có tiền sửa nhà, bà Nga đã cho cụ một khoản tiền (cụ không nhớ cụ thể là bao nhiêu) để cụ sửa chữa nhà nên cụ cho bà Nga đất để bà Nga làm nhà ở. Vì là bố con nên việc tặng cho không lập giấy tờ gì, không có người làm chứng, không được cơ quan nào xác nhận. Việc cụ cho bà Nga đất và bà Nga đưa tiền cho cụ là tự nguyện, không bị ai ép buộc, vì cụ xác định đất đó là của cụ, cụ có quyền định đoạt nên không bàn bạc gì với những người con khác. Cụ đã tìm hiểu quy định của pháp luật và đã được giải thích pháp luật việc mua bán, tặng cho bất động sản phải theo quy định của pháp luật. Cụ cũng không yêu cầu công nhận việc cụ tặng cho bà Nga đất, bà Nga cũng không yêu cầu cụ trả lại tiền bà Nga đã đưa cho cụ. Cụ không yêu cầu về số tiền cụ đã bỏ ra để sửa chữa từ nhà mái ngói thành nhà 2 tầng, cụ xác định đó là tài sản chung của cụ và cụ Sửu. Nay cụ xác định toàn bộ nhà 2 tầng và diện tích đất nói trên là tài sản chung vợ chồng giữa cụ và cụ Sửu. Tuy nhiên, đề nghị xác định tài sản trên 55,2m² đất cụ cho bà Nga trước đây (cụ thể là nhà 06 tầng 01 tum do bà Nga xây) là của bà Nga.

Ngày 17/01/1987 cụ Sửu chết, không để lại di chúc. Sau khi cụ Sửu chết, cụ và các con cụ không thống nhất được việc giải quyết về nhà đất nên cụ khởi kiện yêu cầu chia tài sản chung vợ chồng giữa cụ và cụ Sửu, chia thừa kế phần di sản của cụ Sửu. Quá trình giải quyết vụ án cụ có đưa ra phương án hòa giải nếu các con cụ đồng ý thì phần đất trước đây cụ đã cho bà Nga, bà Nga đã xây nhà nay cụ tự nguyện cho riêng bà Nga, còn tài sản trên đất (ngôi nhà 06 tầng 01 tum) là của bà Nga. Phần diện tích nhà đất còn lại là tài sản chung của cụ và 08 người con, không chia mà để làm nơi thờ cúng, cụ và các con cùng đứng tên sở hữu, sử dụng chung. Tuy nhiên tại các buổi hòa giải các con cụ không đến Tòa để làm việc nên phương án đó không thực hiện được.

Nay cụ giữ nguyên yêu cầu khởi kiện như trên, đề nghị chia cho cụ bằng hiện vật. Phần của cụ được chia đề nghị chia cho cụ vào phần đất trên có nhà 2 tầng cụ đang ở và phần bà Nga đã xây nhà. Cụ tự nguyện cho riêng bà Nga 55,2m² đất là đất ở, phần còn lại của cụ được chia, đề nghị gộp thành một khối vào phần thừa kế của cụ, ông Tuấn, bà Nga để cụ, ông Tuấn, bà Nga được sở hữu chung.

Ngoài nhà đất trên cụ và cụ Sửu không còn tài sản chung, riêng nào khác và cụ cũng không có yêu cầu nào khác.

Bị đơn bà QTKY18, bà QTKB19, ông QTH20, bà QTKL22 thống nhất trình bày:

Về quan hệ huyết thống và di sản thừa kế: Nhất trí như lời trình bày của nguyên đơn. Nay cụ P1 khởi kiện các ông bà không đồng ý vì các ông bà không tranh chấp phần tài sản của cụ Sửu để lại.

Nhà đất như cụ P1 trình bày ở trên đã được UBND quận TH4 cấp GCNQSHN ở & QSDĐ ở đứng tên cụ P1, cụ Sửu. Cụ Sửu chết, phần di sản của cụ Sửu thì cụ P1 và tất cả các con đều có quyền như nhau, tuy nhiên khoảng năm 2010 cụ P1 cho vợ chồng bà Nga về xây nhà trên khoảng 55m² đất nhưng không bàn bạc, không được sự đồng ý của các ông bà, do đó các ông bà đề nghị cụ P1 rút đơn về để bố con tự giải quyết trong gia đình. Nếu cụ P1 không đồng ý mà vẫn khởi kiện thì các ông bà *chỉ đồng ý phân chia tài sản với điều kiện nhà đất phải trả về nguyên trạng ban đầu* và đồng ý chia phần tài sản của cụ Sửu để lại là 1/2 nhà đất nêu trên cho cụ P1 và 8 người con.

Ông QHT21 quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử nhưng không đến làm việc, cũng không có bất cứ văn bản ghi ý kiến nào gửi Tòa án.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập bà QTN23 trình bày: Về quan hệ huyết thống, di sản thừa kế: Nhất trí như lời trình bày của nguyên đơn. Việc cụ P1 cho bà đất, bà đưa tiền cho cụ P1 như cụ P1 trình bày ở trên là đúng. Sau khi được cho đất bà đã xây dựng nhà và vợ chồng con cái bà về ở từ đó đến nay. Tiền bà đưa cho cụ P1 và tiền bà xây nhà 6 tầng 1 tum là của bà bỏ ra, không ai phải đóng góp gì. Nay chồng và các con bà đều xác nhận đó là tài sản riêng của bà, chồng và các con bà không ai có yêu cầu gì về nhà đất trên. Bà không yêu cầu về việc cụ P1 cho đất cũng như việc bà đưa tiền cho cụ P1 trước đây. Bà chỉ đề nghị Tòa án xác định tài sản trên đất, ngôi nhà 06 tầng 01 tum nêu trên là của bà. Việc cụ P1 yêu cầu chia tài sản chung, cụ tự nguyện cho riêng bà 55,2m² đất ở, bà nhất trí không có ý kiến gì.

Về yêu cầu chia thừa kế của cụ P1: bà đề nghị chia theo pháp luật, phần của bà được hưởng, tại giấy tự khai đề ngày 5/7/2018 bà đã trình bày tự nguyện cho cụ P1. Tuy nhiên, nay cụ P1 có ý kiến đối với kỹ phần thừa kế của cụ được hưởng cụ đề nghị gộp thành một khối vào phần của cụ P1 được chia cùng với phần của bà và em trai Tuấn được chia thừa kế để cụ P1, bà và em Tuấn được sở hữu sử dụng chung, bà cũng đồng ý.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà QTKV9 trình bày: thống nhất ý kiến như ý kiến của bà Yến, bà Bích, ông Hùng, bà Liên. Tại giấy tự khai đề ngày 5/7/2018 bà Vân có trình bày đối với kỹ phần thừa kế của bà được hưởng bà tự nguyện cho cụ P1. Ngày 16/12/2020 và 22/9/2021 bà Vân trình bày không đồng ý cho kỹ phần thừa kế của bà cho ai, phần của bà được chia thì phải chia cho bà theo quy định của pháp luật.

- Ông VVH14, anh VTT15, anh VVD16, chị Hoàng Thanh Hằng trình bày: Thống nhất ý kiến như bà Nga, khoảng năm 2003 bà Nga có xây dựng nhà 06 tầng trên đất của cụ P1, cụ Sửu như trên, tiền là của bà Nga bỏ ra, ông Hồng và các anh chị không đóng góp gì và đều xác định đó là tài sản riêng của bà Nga, đề nghị Tòa án không đưa vào tham gia tố tụng.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và ý kiến như đã trình bày ở trên. Bà Nga vẫn giữ nguyên yêu cầu độc lập và ý kiến như đã trình bày ở trên.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn có quan điểm như sau: Cụ Sửu có chồng là cụ P1, cụ Sửu và cụ P1 có 08 người con, gồm: QTN23, QTKY18, QTKB19, QTKV9, QNT13, QTH20, QTKL22, QHT21. Ngoài ra các cụ không có con đẻ, con nuôi, con riêng nào khác.

Diện tích đất 162,7m² tại 40 Làng YP2, tổ 23, cụm 4 phường YP2, quận TH4, TP Hà Nội, trên có ngôi nhà bê tông 2 tầng, nguồn gốc là của bố mẹ cụ P1 để lại, đã được sang tên cụ P1, cụ Sửu. Năm 1987 cụ Sửu chết. Năm 2005 cụ P1 cho con gái là bà Nga khoảng 55m² đất. Thực chất là bà Nga cho cụ P1 1 khoản tiền, cụ P1 bán đất do bà Nga. Tuy nhiên việc bán đất, cho tiền này cụ P1, bà Nga khẳng định không có giấy tờ gì nên không yêu cầu giải quyết. Cụ Sửu chết năm 1987, không để lại di chúc, cụ P1 và các con không tự giải quyết được nên cụ P1 khởi kiện yêu cầu chia tài sản chung, chia thừa kế, phần của cụ được chia tài sản chung cụ P1 tự nguyện cho riêng bà Nga 55,2m² đất ở. Phía bị đơn yêu cầu trả đất về nguyên trạng ban đầu là không phù hợp, ảnh hưởng đến quyền lợi của cụ P1 và bà Nga. Về yêu cầu chia thừa kế di sản của cụ Sửu: Cụ P1 yêu cầu chia theo pháp luật cho cụ và 8 người con, chia cho cụ vào phần đất trên có nhà

2 tầng và tính công sức trông nom tôn tạo cho cụ P1. Yêu cầu của cụ P1 là có căn cứ vì cụ Sửu chết không để lại di chúc, theo quy định của pháp luật di sản được chia theo pháp luật cho hàng thừa kế thứ nhất của cụ Sửu. Sau khi cụ Sửu chết cụ P1 là người quản lý, sử dụng, đóng thuế cho nhà nước đối với nhà đất trên, khi nhà xuống cấp cụ P1 đã sửa chữa lại, không ai phải đóng góp gì, cụ P1 không có nhà ở nào khác, còn các con của cụ đều có nhà ở và ở riêng nơi khác. Đề nghị HĐXX: Xác định toàn bộ diện tích đất 162,7m² và ngôi nhà 2 tầng xây trên đất tại 40 Làng YP2, tổ 23, cụm 4, phường YP2, quận TH4, TP Hà Nội, là tài sản chung của cụ QVP1 và cụ KTS24, chia tài sản chung mỗi cụ 1/2. Ghi nhận sự tự nguyện của cụ P1 tự nguyện tặng cho riêng bà Nga quyền sử dụng diện tích đất 55,2m² là đất ở. Chia thừa kế di sản của cụ Sửu theo pháp luật cho cụ P1 và 8 người con và trích công sức trông nom tôn tạo cho cụ P1 bằng 1 kỳ phần thừa kế. Ghi nhận sự tự nguyện của cụ P1, bà Nga gộp phần của cụ P1 còn lại vào phần được chia thừa kế cùng bà Nga, ông Tuấn thành 1 khối, chia bằng hiện vật và chia vào phần đất trên có nhà 2 tầng vì cụ không có chỗ ở nào khác, cụ P1, ông Tuấn, bà Nga được sở hữu, sử dụng chung.

Về án phí: Cụ P1, bà Nga là người cao tuổi có đơn xin miễn nộp tiền án phí nên đề nghị miễn án phí cho cụ P1, bà Nga. Việc cụ P1 tự nguyện chịu án phí đối với phần án phí bà Liên, ông Hùng, ông Tiến phải nộp là tự nguyện đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 27/2021/DS-ST ngày 08/12/2021 của Tòa án nhân dân quận TH4, thành phố Hà Nội đã xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện chia thừa kế, chia tài sản chung của cụ QVP1 đối với bà QTKY18, bà QTKB19, ông QTH20, bà QTKL22, ông QHT21 là nhà đất tại: Số 40, Làng YP2, tổ 23, cụm 4 (số mới: Số 6, 8 ngõ 56, phố VM3), phường YP2, quận TH4, TP Hà Nội.

2. Chấp nhận yêu cầu độc lập của bà QTN23 yêu cầu công nhận quyền sử dụng hợp pháp của bà Nga đối với giá trị xây dựng ngôi nhà 06 tầng 01 tum (xây trên diện tích đất 55,2m²) tại: Số 40, Làng YP2, tổ 23, cụm 4 (số mới: Số 6, ngõ 56, phố VM3), phường YP2, quận TH4, TP Hà Nội.

3. Xác định tài sản chung vợ chồng của cụ QVP1 và cụ KTS24 gồm: Diện tích đất **162,7m²** (trong đó **120m² đất ở** và **42,7m² đất vườn liền kề**) tại: Số 40, Làng YP2, tổ 23, cụm 4 (số mới: Số 6, 8 ngõ 56, phố VM3), phường YP2, quận TH4, TP Hà Nội, đã được Ủy ban nhân dân quận TH4, TP Hà Nội cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 10103052528 ngày 02/12/2002 đứng tên ông QVP1 (vợ là KTS24 đã chết), thửa đất số 141+142+143, tờ bản đồ số 8H-I-31 và ngôi nhà 02 tầng xây trên đất, có

tổng giá trị: **13.994.299.000đ** (mười ba tỷ, chín trăm chín mươi tư triệu, hai trăm chín mươi chín nghìn đồng).

4. Chia tài sản chung vợ chồng nêu trên cho cụ QVP1 và cụ KTS24, mỗi người 1/2 như sau: Quyền sử dụng đất **162,7m²: 2 = 81,35m²** (trong đó **60m² đất ở** và **21,35m² đất vườn liền kề**). Giá trị quyền sử dụng đất: 6.914.750.000đồng; Nhà và các tài sản trên đất: 82.399.800đồng. Như vậy cụ KTS24 và cụ QVP1 mỗi người được chia tài sản có giá trị làm tròn số là: **6.997.149.000đ** (sáu tỷ, chín trăm chín mươi bảy triệu, một trăm bốn mươi chín nghìn đồng).

5. Ghi nhận sự tự nguyện của cụ QVP1 tự nguyện tặng cho riêng bà QTN23 quyền sử dụng diện tích đất **55,2m² là đất ở** (nằm trong 1/2 diện tích quyền sử dụng đất cụ P1 được chia tài sản chung vợ chồng với cụ Sửu) tại: Số 40 Làng YP2, tổ 23, cụm 4 (số mới: Số 6, ngõ 56, phố VM3), phường YP2, quận TH4, TP Hà Nội (trong diện tích đất đã được Ủy ban nhân dân quận TH4, TP Hà Nội cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 10103052528 ngày 02/12/2002 đứng tên ông QVP1 (vợ là KTS24 đã chết), thửa đất số 141+142+143, tờ bản đồ số 8H-I-31).

6. Bà QTN23 được quyền sở hữu, sử dụng diện tích đất **55,2m² là đất ở** và các tài sản trên đất (ngôi nhà 06 tầng 01 tum) tại: Số 40, Làng YP2, tổ 23, cụm 4 (số mới: Số 6, ngõ 56, phố VM3), phường YP2, quận TH4, TP Hà Nội (trong diện tích đất đã được Ủy ban nhân dân quận TH4, TP Hà Nội cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 10103052528 ngày 02/12/2002 đứng tên ông QVP1 (vợ là KTS24 đã chết), thửa đất số 141+142+143, tờ bản đồ số 8H-I-31), được xác định bởi các điểm **4; 5; 6; 7; 8; 9; 4** (có sơ đồ đo vẽ kèm theo), có giá trị như sau: Giá trị quyền sử dụng đất: $55.2m^2 \times 85.000.000đồng/m^2 = 4.692.000.000đồng$ + Giá trị xây dựng (nhà 06 tầng 01 tum): 1.552.528.120đồng. Tổng: **6.244.528.000đ** (sáu tỷ, hai trăm bốn mươi bốn triệu, năm trăm hai mươi tám nghìn đồng).

7. Xác định di sản thừa kế của cụ KTS24 để lại gồm: 1/2 nhà đất còn lại (sau khi chia tài sản chung cho cụ QVP1), cụ thể: Quyền sử dụng đất **81,35m²** (trong đó **60m² là đất ở** và **21,35m² là đất vườn liền kề**), tại: Số 40, Làng YP2, tổ 23, cụm 4 (số mới: Số 8, ngõ 56, phố VM3), phường YP2, quận TH4, TP Hà Nội (trong diện tích đất đã được Ủy ban nhân dân quận TH4, TP Hà Nội cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 10103052528 ngày 02/12/2002 đứng tên ông QVP1 (vợ là KTS24 đã chết), thửa đất số 141+142+143, tờ bản đồ số 8H-I-31) và 1/2 giá trị xây dựng nhà 02 tầng, có giá trị như sau: Quyền sử dụng đất $81,35m^2 \times 85.000.000đ/m^2 =$

6.914.750.000đồng; Giá trị xây dựng nhà: 82.399.800 đồng. Tổng làm tròn số: **6.997.149.000đ** (sáu tỷ, chín trăm chín mươi bảy triệu, một trăm bốn mươi chín nghìn đồng).

- **Xác định thời điểm mở thừa kế:** Cụ Sứ chết ngày 17/01/1987, thời điểm mở thừa kế là ngày 17/01/1987.

- **Người hưởng thừa kế:** Hàng thừa kế thứ nhất của cụ Sứ, là những người được hưởng thừa kế di sản của cụ Sứ gồm: Cụ QVP1, bà QTN23, bà QTKY18, bà QTKB19, bà QTKV9, ông QNT13, ông QTH20, bà QTKL22, ông QHT21.

- **Cụ Sứ chết không để lại di chúc, di sản của cụ Sứ được chia theo pháp luật** cho cụ QVP1, bà QTN23, bà QTKY18, bà QTKB19, bà QTKV9, ông QNT13, ông QTH20, bà QTKL22, ông QHT21 mỗi người 01 kỷ phần thừa kế. Trích công sức trông nom, tôn tạo cho cụ P1 bằng 01 kỷ phần thừa kế. Mỗi kỷ phần thừa kế có giá trị: **699.714.000đồng** (sáu trăm chín mươi chín triệu, bảy trăm mười bốn nghìn đồng).

- Ghi nhận sự tự nguyện của cụ QVP1, bà QTN23, ông QNT13 đề nghị gộp toàn bộ phần của cụ P1 được chia tài sản chung còn lại (sau khi cho bà Nga 55,2m² đất ở) vào phần thừa kế của cụ P1, ông Tuấn, bà Nga được chia thành một khối. Cụ P1 và ông Tuấn, bà Nga được sở hữu chung.

- **Chia bằng hiện vật (theo số đo thực tế) cho các đương sự, cụ thể như sau:**

+/ **Chia chung cho bà QTKY18, bà QTKB19, bà QTKV9, ông QTH20, bà QTKL22, ông QHT21 được quyền sở hữu, sử dụng diện tích đất: 49.5m²** (trong đó 37.2m² là đất ở và 12.3m² là đất vườn liền kề), tại: Số 40, Làng YP2, tổ 23, cụm 4 (số mới: Số 8, ngõ 56, phố VM3), phường YP2, quận TH4, TP Hà Nội (trong diện tích đất đã được Ủy ban nhân dân quận TH4, TP Hà Nội cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 10103052528 ngày 02/12/2002 đứng tên ông QVP1 (vợ là KTS24 đã chết), thừa đất số 141+142+143, tờ bản đồ số 8H-I-31), được xác định bởi các điểm 2';3;4;9;10;10';2' (có sơ đồ đo vẽ kèm theo), trong đó: Giá trị quyền sử dụng đất: 49.5m² x 85.000.000đồng/m² = **4.207.500.000đ** (bốn tỷ, hai trăm linh bảy triệu, năm trăm nghìn đồng).

+/ **Chia chung cho cụ QVP1, bà QTN23, ông QNT13 được quyền sở hữu, sử dụng toàn bộ diện tích đất còn lại 58m²** (trong đó 27,6m² là đất ở và 30.4m² là đất vườn liền kề), tại: Số 40, Làng YP2, tổ 23, cụm 4 (số mới: Số 8, ngõ 56, phố VM3), phường YP2, quận TH4, TP Hà Nội (trong diện tích đất đã được Ủy ban nhân dân quận TH4, TP Hà Nội cấp Giấy chứng nhận quyền sở

*hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 10103052528 ngày 02/12/2002 đứng tên ông QVP1 (vợ là KTS24 đã chết), thửa đất số 141+142+143, tờ bản đồ số 8H-I-31) và ngôi nhà 02 tầng xây trên đất, được xác định bởi các điểm: **1;2;2';10'; 1 (có sơ đồ đo vẽ kèm theo)**, trong đó: Giá trị quyền sử dụng đất $58m^2 \times 85.000.000 \text{ đồng}/m^2 = 4.930.000.000 \text{ đồng}$; Giá trị xây dựng: 164.799.600 đồng; tổng: **5.094.799.000 đồng** (năm tỷ, không trăm chín mươi tư triệu, bảy trăm chín mươi chín nghìn đồng).*

Ghi nhận sự tự nguyện của cụ P1 không yêu cầu bà Yến, bà Bích, bà Vân, ông Hùng, bà Liên, ông Tiến thanh toán số tiền còn thiếu (9.210.000 đồng) so với kỷ phần cụ P1 được chia.

Cụ P1, bà Nga, ông Tuấn phải tự mở lối đi riêng trên phần đất của mình được chia để sử dụng và phải tháo dỡ, chuyển toàn bộ các tài sản có trên diện tích đất $49,5m^2$ chia cho bà Yến, bà Bích, bà Vân, ông Hùng, bà Liên, ông Tiến để trả lại đất cho bà Yến, bà Bích, bà Vân, ông Hùng, bà Liên, ông Tiến.

Các bên có quyền đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền làm thủ tục sang tên sở hữu đối với diện tích nhà đất được chia theo quyết định của bản án (có sơ đồ kèm theo bản án).

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo, thi hành án.

Không đồng ý với bản án sơ thẩm, bà QTKY18, bà QTKB19, bà QTKV9, ông QTH20, bà QTKL22, ông QHT21: kháng cáo đối với Bản án dân sự sơ thẩm số 27/2021/DS-ST ngày 08/12/2021 của Tòa án nhân dân quận TH4, thành phố Hà Nội. Nội dung kháng cáo: các ông bà trên không chấp nhận với quyết định của Tòa án nhân dân quận TH4 về việc chỉ định cụ QVP1 làm người giám hộ cho ông QNT13 với lý do:

- Cụ QVP1 sinh năm 1934, là người cao tuổi đang gặp nhiều vấn đề sức khỏe, không đủ yếu tố thể chất và tinh thần để làm người giám hộ.

- Ông QNT13 có vợ là bà Lưu Thị Chung và con gái là cháu Quách Trà My. Vợ chồng ông Tuấn và bà Chung chưa ly hôn.

Kèm theo đơn kháng cáo, người kháng cáo nộp bổ sung thêm các tài liệu, chứng cứ sau đây: Đơn xin đề nghị quyền giám hộ của bà Lưu Thị Chung.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Cụ QVP1 vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; bà QTN23 giữ nguyên yêu cầu độc lập; các ông bà QTKY18, QTKB19, QTKV9, QTH20, QTKL22, QHT21 giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Ông QTH20 cung cấp đơn đề nghị của ông QNT13. Các đương sự không thỏa thuận được cách giải quyết vụ án.

Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội:

Về tố tụng: Hội đồng xét xử và các đương sự tuân thủ đầy đủ các quy định của BLTTDS về việc xét xử phúc thẩm.

Về nội dung: Sau khi phân tích nội dung vụ kiện, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của các ông bà QTKY18, QTKB19, QTKV9, QTH20, QTKL22, QHT21.

- Áp dụng khoản 1 Điều 308 BLTTDS giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 27/2021/DS-ST ngày 08/12/2021 của Tòa án nhân dân quận TH4.

- Áp dụng khoản 2 Điều 312 BLTTDS đình chỉ xét xử phúc thẩm kháng cáo của ông QHT21.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà; sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội phát biểu quan điểm giải quyết vụ kiện, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Đơn kháng cáo của các ông bà QTKY18, QTKB19, QTKV9, QTH20, QTKL22, QHT21 nộp trong hạn luật định, về hình thức là hợp lệ.

Tại phiên toà: có mặt người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn; bị đơn các ông bà QTKY18, QTKB19, QTH20, QTKL22. Bà QTKV9 xin xét xử vắng mặt. Ông QHT21 là người kháng cáo nhưng vắng mặt không có lý do, căn cứ khoản 3 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự đình chỉ đối với kháng cáo của ông QHT21.

Một số người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan khác vắng mặt. Căn cứ Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung:

Hội đồng xét xử nhận thấy: Tại bản án dân sự sơ thẩm số 27/2021/DS-ST ngày 08/12/2021 của Tòa án nhân dân quận TH4 giải quyết việc chia thừa kế và tài sản chung của cụ QVP1 và cụ KTS24 là diện tích đất 162,7m² (trong đó 120m² đất ở và 42,7m² đất vườn liền kề) tại số 40, Làng YP2, tổ 23, cụm 4 (số mới: Số 8, ngõ 56, phố VM3), phường YP2, quận TH4, thành phố Hà Nội;

Chia tài sản chung vợ chồng nêu trên cho cụ QVP1 và cụ KTS24, mỗi người 1/2 như sau: Quyền sử dụng đất 162,7m²: 2 = 81,35m² (trong đó 60m² đất ở và 21,35m² đất vườn liền kề).

Ghi nhận sự tự nguyện của cụ QVP1 tự nguyện tặng cho riêng bà QTN23 quyền sử dụng diện tích đất 55,2m² là đất ở (*nằm trong 1/2 diện tích*

quyền sử dụng đất cụ P1 được chia tài sản chung vợ chồng với cụ Sửu) tại: Số 40 Làng YP2, tổ 23, cụm 4 (số mới: Số 6, ngõ 56, phố VM3), phường YP2, quận TH4, thành phố Hà Nội

Bà QTN23 được quyền sở hữu, sử dụng diện tích đất 55,2m² là đất ở và các tài sản trên đất (ngôi nhà 06 tầng 01 tum) tại: Số 40, Làng YP2, tổ 23, cụm 4 (số mới: Số 6, ngõ 56, phố VM3), phường YP2, quận TH4, thành phố Hà Nội.

- *Xác định di sản thừa kế của cụ KTS24 để lại gồm:* 1/2 nhà đất còn lại (sau khi chia tài sản chung cho cụ QVP1), cụ thể: Quyền sử dụng đất 81,35m² (trong đó 60m² là đất ở và 21,35m² là đất vườn liền kề), tại: Số 40, Làng YP2, tổ 23, cụm 4 (số mới: Số 8, ngõ 56, phố VM3), phường YP2, quận TH4, TP Hà Nội

- *Xác định thời điểm mở thừa kế:* Cụ Sửu chết ngày 17/01/1987, thời điểm mở thừa kế là ngày 17/01/1987.

- *Người hưởng thừa kế:* Hàng thừa kế thứ nhất của cụ Sửu, là những người được hưởng thừa kế di sản của cụ Sửu gồm: Cụ QVP1, bà QTN23, bà QTKY18, bà QTKB19, bà QTKV9, ông QNT13, ông QTH20, bà QTKL22, ông QHT21.

- Ghi nhận sự tự nguyện của cụ QVP1, bà QTN23, ông QNT13 đề nghị gộp toàn bộ phần của cụ P1 được chia tài sản chung còn lại (sau khi cho bà Nga 55,2m² đất ở) vào phần thừa kế của cụ P1, ông Tuấn, bà Nga được chia thành một khối. Cụ P1 và ông Tuấn, bà Nga được sở hữu chung.

- *Chia bằng hiện vật (theo số đo thực tế) cho các đương sự, cụ thể như sau:*

+ Chia chung cho bà QTKY18, bà QTKB19, bà QTKV9, ông QTH20, bà QTKL22, ông QHT21 được quyền sở hữu, sử dụng diện tích đất: 49,5m² (trong đó 37,2m² là đất ở và 12,3m² là đất vườn liền kề),

+ Chia chung cho cụ QVP1, bà QTN23, ông QNT13 được quyền sở hữu, sử dụng toàn bộ diện tích đất còn lại 58m² (trong đó 27,6m² là đất ở và 30,4m² là đất vườn liền kề), tại: Số 40, Làng YP2, tổ 23, cụm 4 (số mới: Số 8, ngõ 56, phố VM3).

Sau khi có bản án sơ thẩm bà Yến, bà Bích, bà Vân, ông Hùng, bà Liên, đã kháng cáo với nội dung: không chấp nhận với quyết định của Tòa án nhân dân quận TH4 về việc chỉ định cụ QVP1 làm người giám hộ cho ông QNT13. Ngoài ra, không kháng cáo vấn đề gì khác.

Xét kháng cáo của bà Yến, bà Bích, bà Vân, ông Hùng, bà Liên, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Trong quá trình giải quyết vụ án về chia thừa kế và chia tài sản chung, ngày 14/5/2019, cụ QVP1 là nguyên đơn trong vụ án có đơn yêu cầu tuyên bố ông QNT13 là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bị hạn chế năng lực hành vi dân sự và có Đơn đề nghị Tòa án tạm đình chỉ giải quyết vụ án để gia đình cụ làm thủ tục cử người giám hộ cho ông QNT13, theo quy định tại điểm h, khoản 1 Điều 214 Bộ luật tố tụng dân sự.

Ngày 29/11/2019, Tòa án nhân dân quận TH4 ra Quyết định tạm đình chỉ giải quyết vụ án dân sự số 04/2019/QĐST-DS.

Ngày 17/12/2019, Tòa án đã thụ lý việc dân sự số 39/2019/TLST-VDS về việc “Yêu cầu tuyên bố một người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi” và giải quyết việc dân sự theo Quyết định mở phiên họp số 20/2020/QĐST-DS ngày 28/9/2020.

Tại Quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 32/2020/QĐST-DS ngày 09/10/2020 của Tòa án nhân dân quận TH4, thành phố Hà Nội đã quyết định:

1. Tuyên bố anh QNT13 sinh năm 1962; Hộ khẩu thường trú: Số 17B, Làng YP2, phường YP2, quận TH4, TP Hà Nội; Hiện trú tại: Số 15, ngách 83, ngõ 76, đường YP2, phường YP2, quận TH4, TP Hà Nội là người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi dân sự.

2. Xác định ông QVP1, sinh năm 1934; Hộ khẩu thường trú: Số 40, làng YP2, phường YP2, quận TH4, TP Hà Nội là người giám hộ của anh QNT13. Giao dịch dân sự của anh QNT13 do ông QVP1 xác lập, thực hiện.

Ngoài ra Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về lệ phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 32/2020/QĐST-DS ngày 09/10/2020 của Tòa án nhân dân quận TH4, thành phố Hà Nội đã có hiệu lực pháp luật.

Sau khi có bản án dân sự sơ thẩm 27/2021/DS-ST ngày 08/12/2021 của Tòa án nhân dân quận TH4, bà Lưu Thị Chung là vợ ông QNT13 có đơn đề nghị quyền giám hộ đề ngày 28/12/2021 gửi kèm theo đơn kháng cáo của các ông bà Yến, bà Bích, bà Vân, ông Hùng, bà Liên có một phần nội dung bà Chung không đồng ý với việc cử cụ P1 làm giám hộ cho ông QNT13.

Ngày 17/5/2022, tại cấp phúc thẩm ông QTH20 nộp đơn của ông QNT13 có nội dung không đồng ý việc cụ Quách Ngọc Phương làm người giám hộ và đề nghị tài sản mà ông được hưởng của cụ Quách Thị Sửu chuyển sang các chị em trong gia đình.

Hội đồng xét xử thấy: Tại quyết định số 32/2020/QĐST-DS ngày 09/10/2020 của Tòa án nhân dân quận TH4, thành phố Hà Nội đã căn cứ Kết

luận giám định sức khỏe tâm thần số 81/KHTH-BV ngày 03/9/2020 của Bệnh viện Tâm thần TW I đã kết luận: “*Anh QNT13 là bệnh loạn thần động kinh không biệt định cách khác (mã bệnh theo ICD 10: F06.8). Hiện tại: Có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi dân sự*”. Trong quá trình giải quyết việc dân sự, bà Chung đã có ý kiến vợ chồng bà ly thân từ tháng 7/2019. Mặc dù không đồng ý cụ P1 làm giám hộ cho ông Tuấn nhưng cũng đề nghị không cử bà là người giám hộ của ông Tuấn; Ông QNT13 đề nghị cụ Quách Ngọc Phương là người giám hộ cho ông ngoài bố ông ra ông không đề nghị ai khác làm người giám hộ; Tại thời điểm giải quyết việc dân sự cháu Quách Trà My (sinh năm 2005) là trẻ vị thành niên. Do đó, cụ Quách Ngọc Phương là bố đẻ ông Tuấn là người giám hộ của ông Tuấn. Giao dịch dân sự của ông QNT13 do cụ QVP1 xác lập, thực hiện. Việc cụ Quách Ngọc Phương là giám hộ của ông QNT13 đã được giải quyết bằng Quyết định giải quyết việc dân sự số 32 ngày 09/10/2020 của Tòa án nhân dân quận TH4, quyết định này đã có hiệu lực pháp luật. Như đã phân tích ở trên, ý kiến của bà Lưu Thị Chung và ông QNT13 về việc không đồng ý cụ QVP1 làm giám hộ cho ông Tuấn không có căn cứ nên không chấp nhận.

Nên việc các ông bà QTKY18, QTKB19, QTKV9, QTH20, QTKL22, kháng cáo không đồng ý việc cụ Quách Ngọc Phương là người giám hộ của ông QNT13 vì cụ P1 không đủ sức khỏe, đề nghị Tòa án hoãn việc xét xử phúc thẩm sau một năm đợi cháu Quách Trà My đủ 18 tuổi để cháu My làm giám hộ cho ông Tuấn là không có căn cứ nên không chấp nhận.

Các nội dung khác của bản án sơ thẩm không kháng cáo nên HĐXX không xem xét.

Từ phân tích trên HĐXX giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 27/2021/DS-ST ngày 08/12/2021 của Tòa án nhân dân quận TH4, thành phố Hà Nội.

Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[3] Về án phí:

- *Án phí sơ thẩm:* Cụ P1, bà Nga, bà Yến, bà Bích, bà Vân tính đến thời điểm thụ lý, xét xử vụ án đều trên 60 tuổi là người cao tuổi theo quy định pháp luật và thuộc trường hợp được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Ông Tuấn là người khuyết tật nên thuộc trường hợp được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm nên không phải chịu án phí.

Ông Hùng, bà Liên, ông Tiến phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với giá trị kỷ phần được chia. Ghi nhận sự tự nguyện của cụ P1 chịu toàn bộ án phí đối với số tiền án phí ông Hùng, bà Liên, ông Tiến phải chịu.

- *Án phí phúc thẩm*: bà Yên, bà Bích, bà Vân là người cao tuổi nên thuộc trường hợp được miễn án phí theo quy định.

Ông Hùng, bà Liên, ông Tiến phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 5 Điều 26, Điều 27, khoản 1 Điều 38, Điều 147, Điều 148, khoản 1 Điều 308, khoản 2 Điều 312 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Điều 23, khoản 2 Điều 46, 47, khoản 3 Điều 53, 54, 57, 58, 59 Bộ luật dân sự 2015; Điều 631, 632, 633, 634, 635, 636, 645, 674, 675, 676 và Điều 685 Bộ luật dân sự năm 2005; Thông tư số 81/TANDTC ngày 24/7/1981 của Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn giải quyết các tranh chấp về thừa kế; Pháp lệnh thừa kế năm 1990; Nghị quyết 01/HĐTP ngày 10/10/1990 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của Pháp lệnh thừa kế 1990; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của ông QHT21.
2. Không chấp nhận kháng cáo của bà QTKY18, bà QTKB19, bà QTKV9, ông QTH20, bà QTKL22.
3. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 27/2021/DS-ST ngày 08/12/2021 của Tòa án nhân dân quận TH4, thành phố Hà Nội, cụ thể như sau:
 - 3.1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện chia thừa kế, chia tài sản chung của cụ QVP1 đối với bà QTKY18, bà QTKB19, ông QTH20, bà QTKL22, ông QHT21 là nhà đất tại: Số 40, Làng YP2, tổ 23, cụm 4 (số mới: Số 6, 8 ngõ 56, phố VM3), phường YP2, quận TH4, TP Hà Nội.
 - 3.2. Chấp nhận yêu cầu độc lập của bà QTN23 yêu cầu công nhận quyền sử dụng hợp pháp của bà Nga đối với giá trị xây dựng ngôi nhà 06 tầng 01 tum (xây trên diện tích đất 55,2m²) tại: Số 40, Làng YP2, tổ 23, cụm 4 (số mới: Số 6, ngõ 56, phố VM3), phường YP2, quận TH4, TP Hà Nội.
 - 3.3. Xác định tài sản chung vợ chồng của cụ QVP1 và cụ KTS24 gồm: Diện tích đất **162.7m²** (trong đó **120m² đất ở** và **42,7m² đất vườn liền kề**) tại: Số 40, Làng YP2, tổ 23, cụm 4 (số mới: Số 6, 8 ngõ 56, phố VM3), phường YP2, quận TH4, TP Hà Nội, đã được Ủy ban nhân dân quận TH4, TP Hà Nội

cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 10103052528 ngày 02/12/2002 đứng tên ông QVP1 (vợ là KTS24 đã chết), thửa đất số 141+142+143, tờ bản đồ số 8H-I-31 và ngôi nhà 02 tầng xây trên đất, có tổng giá trị: **13.994.299.000đ** (mười ba tỷ, chín trăm chín mươi tư triệu, hai trăm chín mươi chín nghìn đồng).

3.4. Chia tài sản chung vợ chồng nêu trên cho cụ QVP1 và cụ KTS24, mỗi người 1/2 như sau: Quyền sử dụng đất **162,7m² : 2 = 81,35m²** (trong đó **60m² đất ở** và **21,35m² đất vườn liền kề**). Giá trị quyền sử dụng đất: 6.914.750.000 đồng; Nhà và các tài sản trên đất: 82.399.800 đồng. Như vậy, cụ KTS24 và cụ QVP1 mỗi người được chia tài sản có giá trị làm tròn số là: **6.997.149.000đ** (sáu tỷ, chín trăm chín mươi bảy triệu, một trăm bốn mươi chín nghìn đồng).

3.5. Ghi nhận sự tự nguyện của cụ QVP1 tự nguyện tặng cho riêng bà QTN23 quyền sử dụng diện tích đất **55,2m² là đất ở** (nằm trong 1/2 diện tích quyền sử dụng đất cụ P1 được chia tài sản chung vợ chồng với cụ Sửu) tại: Số 40 Làng YP2, tổ 23, cụm 4 (số mới: Số 6, ngõ 56, phố VM3), phường YP2, quận TH4, TP Hà Nội (trong diện tích đất đã được Ủy ban nhân dân quận TH4, TP Hà Nội cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 10103052528 ngày 02/12/2002 đứng tên ông QVP1 (vợ là KTS24 đã chết), thửa đất số 141+142+143, tờ bản đồ số 8H-I-31).

3.6. Bà QTN23 được quyền sở hữu, sử dụng diện tích đất 55,2m² là đất ở và các tài sản trên đất (ngôi nhà 06 tầng 01 tum) tại: Số 40, Làng YP2, tổ 23, cụm 4 (số mới: Số 6, ngõ 56, phố VM3), phường YP2, quận TH4, TP Hà Nội (trong diện tích đất đã được Ủy ban nhân dân quận TH4, TP Hà Nội cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 10103052528 ngày 02/12/2002 đứng tên ông QVP1 (vợ là KTS24 đã chết), thửa đất số 141+142+143, tờ bản đồ số 8H-I-31), được xác định bởi các điểm **4; 5; 6; 7; 8; 9; 4** (có sơ đồ đo vẽ kèm theo), có giá trị như sau: Giá trị quyền sử dụng đất: 55,2m² x 85.000.000 đồng/m² = 4.692.000.000 đồng + Giá trị xây dựng (nhà 06 tầng 01 tum): 1.552.528.120 đồng. Tổng: **6.244.528.000đ** (sáu tỷ, hai trăm bốn mươi bốn triệu, năm trăm hai mươi tám nghìn đồng).

3.7. **Xác định di sản thừa kế của cụ KTS24 để lại gồm:** 1/2 nhà đất còn lại (sau khi chia tài sản chung cho cụ QVP1), cụ thể: Quyền sử dụng đất **81,35m²** (trong đó **60m² là đất ở** và **21,35m² là đất vườn liền kề**), tại: Số 40, Làng YP2, tổ 23, cụm 4 (số mới: Số 8, ngõ 56, phố VM3), phường YP2, quận TH4, TP Hà Nội (trong diện tích đất đã được Ủy ban nhân dân quận TH4, TP Hà Nội cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số

10103052528 ngày 02/12/2002 đứng tên ông QVP1 (vợ là KTS24 đã chết), thửa đất số 141+142+143, tờ bản đồ số 8H-I-31) và 1/2 giá trị xây dựng nhà 02 tầng, có giá trị như sau: Quyền sử dụng đất $81,35\text{m}^2 \times 85.000.000\text{đ}/\text{m}^2 = 6.914.750.000$ đồng; Giá trị xây dựng nhà: 82.399.800 đồng. Tổng làm tròn số: **6.997.149.000đ** (sáu tỷ, chín trăm chín mươi bảy triệu, một trăm bốn mươi chín nghìn đồng).

- **Xác định thời điểm mở thừa kế:** Cụ Sứu chết ngày 17/01/1987, thời điểm mở thừa kế là ngày 17/01/1987.

- **Người hưởng thừa kế:** Hàng thừa kế thứ nhất của cụ Sứu, là những người được hưởng thừa kế di sản của cụ Sứu gồm: Cụ QVP1, bà QTN23, bà QTKY18, bà QTKB19, bà QTKV9, ông QNT13, ông QTH20, bà QTKL22, ông QHT21.

- **Cụ Sứu chết không để lại di chúc, di sản của cụ Sứu được chia theo pháp luật** cho cụ QVP1, bà QTN23, bà QTKY18, bà QTKB19, bà QTKV9, bà QNT13, ông QTH20, bà QTKL22, ông QHT21 mỗi người 01 kỷ phần thừa kế. Trích công sức trông nom, tôn tạo cho cụ P1 bằng 01 kỷ phần thừa kế. Mỗi kỷ phần thừa kế có giá trị: **699.714.000đồng** (sáu trăm chín mươi chín triệu, bảy trăm mười bốn nghìn đồng).

- Ghi nhận sự tự nguyện của cụ QVP1, bà QTN23, ông QNT13 đề nghị gộp toàn bộ phần của cụ P1 được chia tài sản chung còn lại (sau khi cho bà Nga $55,2\text{m}^2$ đất ở) vào phần thừa kế của cụ P1, ông Tuấn, bà Nga được chia thành một khối. Cụ P1 và ông Tuấn, bà Nga được sở hữu chung.

- **Chia bằng hiện vật (theo số đo thực tế) cho các đương sự, cụ thể như sau:**

+/ Chia chung cho bà QTKY18, bà QTKB19, bà QTKV9, ông QTH20, bà QTKL22, ông QHT21 được quyền sở hữu, sử dụng diện tích đất: $49,5\text{m}^2$ (trong đó $37,2\text{m}^2$ là đất ở và $12,3\text{m}^2$ là đất vườn liền kề), tại: Số 40, Làng YP2, tổ 23, cụm 4 (số mới: Số 8, ngõ 56, phố VM3), phường YP2, quận TH4, TP Hà Nội (trong diện tích đất đã được Ủy ban nhân dân quận TH4, TP Hà Nội cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 10103052528 ngày 02/12/2002 đứng tên ông QVP1 (vợ là KTS24 đã chết), thửa đất số 141+142+143, tờ bản đồ số 8H-I-31), được xác định bởi các điểm 2';3;4;9;10;10';2' (có sơ đồ đo vẽ kèm theo), trong đó: Giá trị quyền sử dụng đất: $49,5\text{m}^2 \times 85.000.000\text{đ}/\text{m}^2 = 4.207.500.000$ (bốn tỷ, hai trăm linh bảy triệu, năm trăm nghìn) đồng.

+/ Chia chung cho cụ QVP1, bà QTN23, ông QNT13 được quyền sở hữu, sử dụng toàn bộ diện tích đất còn lại 58m^2 (trong đó $27,6\text{m}^2$ là đất ở và

30.4m² là đất vườn liền kề, tại: Số 40, Làng YP2, tổ 23, cụm 4 (số mới: Số 8, ngõ 56, phố VM3), phường YP2, quận TH4, TP Hà Nội (*trong diện tích đất đã được Ủy ban nhân dân quận TH4, TP Hà Nội cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 10103052528 ngày 02/12/2002 đứng tên ông QVP1 (vợ là KTS24 đã chết), thửa đất số 141+142+143, tờ bản đồ số 8H-I-31*) và ngôi nhà 02 tầng xây trên đất, được xác định bởi các điểm: **1;2;2';10'; 1 (có sơ đồ đo vẽ kèm theo)**, trong đó: Giá trị quyền sử dụng đất 58m² x 85.000.000đ/m² = 4.930.000.000 đồng; Giá trị xây dựng: 164.799.600 đồng; tổng: **5.094.799.000** (*năm tỷ, không trăm chín mươi tư triệu, bảy trăm chín mươi chín nghìn*) đồng.

Ghi nhận sự tự nguyện của cụ P1 không yêu cầu bà Yến, bà Bích, bà Vân, ông Hùng, bà Liên, ông Tiến thanh toán số tiền còn thiếu (9.210.000 đồng) so với kỷ phần cụ P1 được chia.

Cụ P1, bà Nga, ông Tuấn phải tự mở lối đi riêng trên phần đất của mình được chia để sử dụng và phải tháo dỡ, chuyển toàn bộ các tài sản có trên diện tích đất 49,5m² chia cho bà Yến, bà Bích, bà Vân, ông Hùng, bà Liên, ông Tiến để trả lại đất cho bà Yến, bà Bích, bà Vân, ông Hùng, bà Liên, ông Tiến.

Các bên có quyền đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền làm thủ tục sang tên sở hữu đối với diện tích nhà đất được chia theo quyết định của bản án (có sơ đồ kèm theo bản án).

4. Về án phí:

- *Án phí sơ thẩm:*

- Cụ QVP1, bà QTN23, bà QTKY18, bà QTKB19, bà QTKV9, ông QNT13 được miễn án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

- Ông QTH20, bà QTKL22, ông QHT21 mỗi người phải chịu 31.989.000đ (*ba mươi một triệu, chín trăm tám mươi chín nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm. Ghi nhận sự tự nguyện của cụ QVP1 chịu toàn bộ án phí đối với số tiền án phí ông Hùng, bà Liên, ông Tiến phải chịu nêu trên, cụ thể: (31.989.000 đồng x 3) = 95.966.000đ (*chín mươi lăm triệu, chín trăm sáu mươi sáu nghìn đồng*). Đối trừ với số tiền 57.000.000đ (*năm mươi bảy triệu đồng*) cụ P1 đã nộp theo biên lai nộp tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 06662 ngày 14/6/2018 của Chi cục thi hành án dân sự quận TH4, cụ P1 còn phải nộp số tiền là: **38.966.000đồng** (*ba mươi tám triệu, chín trăm sáu mươi sáu nghìn đồng*).

- *Án phí phúc thẩm:*

+ Bà QTKY18, bà QTKB19, bà QTKV9 được miễn án phí dân sự phúc thẩm theo quy định.

+ Ông QTH20, bà QTKL22, ông QHT21 mỗi người phải nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự phúc thẩm được trừ vào số tiền 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng mỗi người đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí lệ phí Tòa án số 0032697, 0032698, 0032699 ngày 12/01/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận TH4, thành phố Hà Nội.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSNDTP Hà Nội;
- TAND quận TH4;
- Chi cục THADS quận TH4;
- Các đương sự;
- Lưu văn phòng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Lan Anh